

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 30/06/2015**

---

*Hà Nội, tháng 08 năm 2015*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 34



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên
Ông Phạm Viết Hùng	Thành viên
Ông Phạm Nguyên Hùng	Thành viên
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Tài Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Nguyên Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Hoài	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/02/2015)
Ông Đặng Hoàng Cẩm	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/08/2015)
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Quyền Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 01/01/2015)

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 của Công ty.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA (UHY ACA LTD).

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,**



**Nguyễn Tài Sơn**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2015*



Số: 477 /2015/UHYACA-BCSX

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1**  
**cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 5 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Phạm Gia Đạt**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số  
0798-2014-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA (UHY ACA LTD)**

*Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2015*

**Hà Minh Long**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số  
1221-2014-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30/06/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>881.517.059.082</b>	<b>863.553.761.375</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>30.867.950.616</b>	<b>47.116.944.270</b>
1. Tiền	111		30.867.950.616	47.116.944.270
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>368.425.602.286</b>	<b>394.880.224.972</b>
1. Phải thu khách hàng	131		330.903.913.482	376.125.961.705
2. Trả trước cho người bán	132		22.659.929.068	10.230.108.155
5. Các khoản phải thu khác	135	5	14.861.759.736	8.524.155.112
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>439.187.687.238</b>	<b>396.325.023.380</b>
1. Hàng tồn kho	141	6	439.187.687.238	396.325.023.380
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>43.035.818.942</b>	<b>25.231.568.753</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	5.369.168.992	145.991.141
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.753.742	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		121.594.421	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	37.516.301.787	25.085.577.612
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.027.672.234.295</b>	<b>1.043.711.851.024</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>88.664.066.017</b>	<b>94.834.840.332</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		79.863.381.482	78.495.859.150
4. Phải thu dài hạn khác	218		13.532.006.483	21.070.303.130
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(4.731.321.948)	(4.731.321.948)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>932.138.600.402</b>	<b>939.654.303.842</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	890.824.742.129	916.541.828.038
- Nguyên giá	222		1.100.649.915.682	1.102.949.531.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(209.825.173.553)	(186.407.703.784)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	23.707.586.179	18.430.285.892
- Nguyên giá	228		33.852.848.510	27.544.496.404
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.145.262.331)	(9.114.210.512)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	17.606.272.094	4.682.189.912
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.869.567.876</b>	<b>9.222.706.850</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	6.869.567.876	9.222.706.850
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.909.189.293.377</b>	<b>1.907.265.612.399</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 30/06/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.565.302.171.823</b>	<b>1.573.791.982.644</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>859.178.675.022</b>	<b>858.178.631.156</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	608.725.789.577	537.272.834.396
2. Phải trả người bán	312		45.914.161.250	62.923.229.831
3. Người mua trả tiền trước	313		37.309.943.526	45.518.522.157
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	51.021.323.762	59.317.240.961
5. Phải trả người lao động	315		28.174.542.476	85.263.226.625
6. Chi phí phải trả	316		355.565.755	2.515.652.748
7. Phải trả nội bộ	317	15	13.577.548.211	13.577.548.211
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	69.165.996.954	46.035.724.916
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.933.803.511	5.754.651.311
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>706.123.496.801</b>	<b>715.613.351.488</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		27.862.441.012	17.506.391.883
3. Phải trả dài hạn khác	333		10.318.268.911	12.967.515.849
4. Vay và nợ dài hạn	334	17	667.139.443.756	685.139.443.756
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		803.343.122	-
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>343.887.121.554</b>	<b>333.473.629.755</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>343.887.121.554</b>	<b>333.223.629.755</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		266.913.190.000	266.913.190.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.062.941.992	17.062.941.992
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.093.922.201	4.093.922.201
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		500.000.000	500.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		55.317.067.361	44.653.575.562
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>250.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	250.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.909.189.293.377</b>	<b>1.907.265.612.399</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại 30/06/2015	Tại 01/01/2015
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		4.186.352.918	4.186.352.918
5. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)		4.225,01	180.264,89



Nguyễn Tài Sơn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2015

Nguyễn Hồng Tuấn  
Quyền Kế toán trưởng

Doãn Thị Thu Dung  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	202.176.214.745	194.714.429.514
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		202.176.214.745	194.714.429.514
4. Giá vốn hàng bán	11	20	120.636.373.347	119.851.284.968
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.539.841.398	74.863.144.546
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	187.263.151	115.340.437
7. Chi phí tài chính	22	22	53.077.813.939	52.281.836.651
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		53.013.445.110	52.281.836.651
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.975.916.190	9.045.327.276
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.673.374.420	13.651.321.056
11. Thu nhập khác	31		21.558.645	65.932.469
12. Chi phí khác	32		1.046.767.872	1.327.774.575
13. Lợi nhuận khác	40		(1.025.209.227)	(1.261.842.106)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.648.165.193	12.389.478.950
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	2.984.673.394	2.855.102.849
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.663.491.799	9.534.376.101
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		10.663.491.799	9.534.376.101
19. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	397	414



Nguyễn Tài Sơn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2015

Nguyễn Hồng Tuấn  
Quyền Kế toán trưởng

Doãn Thị Thu Dung  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.648.165.193	12.389.478.950
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		26.583.199.602	21.358.846.588
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(56.106.495)	-
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(70.975.745)	(81.039.405)
- Chi phí lãi vay	06		53.013.445.110	52.281.836.651
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		93.117.727.665	85.949.122.784
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09		17.825.928.487	60.411.018.281
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(43.631.734.094)	(31.611.135.694)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11		(63.571.447.160)	(108.343.059.670)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(2.870.038.877)	(6.257.294.587)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(51.869.724.313)	(50.299.649.535)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.785.454.290)	(3.604.079.170)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.406.782.228	36.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(7.058.368.848)	(16.130.038.809)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(57.436.329.202)	(69.849.116.400)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.635.715.953)	(18.676.084.975)
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		70.283.154	115.340.437
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.565.432.799)	(18.560.744.538)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		240.886.646.172	224.841.096.483
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(184.114.614.878)	(187.634.053.820)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.802.720)	(147.094.920)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		56.751.228.574	37.059.947.743
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(16.250.533.427)	(51.349.913.195)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		47.116.944.270	66.785.135.995
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.539.773	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	30.867.950.616	15.435.222.800



Nguyễn Tài Sơn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2015

Nguyễn Hồng Tuấn  
Quyền Kế toán trưởng

Doãn Thị Thu Dung  
Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1, tên viết tắt là PECC1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103021734 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần 8 vào ngày 09/09/2014, và được cấp mã số doanh nghiệp mới là 0100100953.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 có trụ sở tại: Km 9+200, đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là 266.913.190.000 đồng, chia thành 26.691.319 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 14.504.227 cổ phần tương ứng 145.042.270.000 đồng, chiếm 54,34% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 12.187.092 cổ phần tương ứng 121.870.920.000 đồng, chiếm 45,66% vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TV1.

**1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Khảo sát thiết kế các công trình điện;
- Gia công, thử nghiệm cột điện bằng thép;
- Xây dựng, sửa chữa thủy điện nhỏ;
- Xây dựng lưới điện từ 35 KV trở xuống;
- Nghiên cứu lập dự án đầu tư;
- Thiết kế các công trình điện tất cả các giai đoạn;
- Khảo sát xây dựng, khảo sát môi trường, thí nghiệm địa chất, vật liệu xây dựng...phục vụ thiết kế;
- Thẩm định đồ án thiết kế công trình điện không do Công ty thiết kế;
- Tổng thầu khảo sát, thiết kế và quản lý dự án các công trình điện trong phạm vi của Tập đoàn EVN;
- Lập hồ sơ vật tư, thiết bị phục vụ cho chào thầu các công trình điện, kiểm định chất lượng xây dựng các công trình điện trong phạm vi của Tập đoàn EVN;
- Tư vấn đấu thầu, tư vấn Hợp đồng kinh tế công trình điện;
- Tư vấn dịch vụ và xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện và các công trình công nghiệp, dân dụng khác bao gồm: công tác điều tra, khảo sát, lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng, khảo sát, thiết kế và lập dự toán công trình, lập hồ sơ và dịch vụ tổ chức đấu thầu về thiết kế, mua sắm trang thiết bị, xây lắp công trình, giám sát xây dựng, nhận thầu quản lý xây dựng;
- Gia công thử nghiệm cột điện các loại;
- Xây dựng sửa chữa thủy điện nhỏ;
- Tư vấn thiết kế công trình viễn thông;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Khai thác, lọc nước phục vụ công nghiệp và sinh hoạt;
- Dịch vụ khảo sát và đo vẽ bản đồ (địa hình, địa chính).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***1.3 DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Stt	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
1	Công ty TNHH một thành viên Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1	Km 2 Đường Phùng Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội	100%	100%
2	Công ty TNHH một thành viên Tư vấn xây dựng Điện 3 Đà Nẵng	Số 503 Núi Thành, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	100%	100%
3	Công ty TNHH Một thành viên Khảo sát Xây dựng Điện 2	Số 8/2, đường Phan Đình Phùng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	100%	100%
4	Công ty TNHH một thành viên Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4	Số 599, Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	100%	100%

Các Công ty Con của Công ty thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ, tự chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC (“Quyết định 15”) ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC (“Thông tư 244”) ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thông tư 200 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ tài chính về việc sửa đổi bổ sung điều 128 của Thông tư 200, doanh nghiệp thuộc đối tượng phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ (báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính bán niên) được lựa chọn lập báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2015 theo quy định tại Quyết định 15 hoặc Thông tư 200.

Do đó, đối với việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, Công ty áp dụng Quyết định 15, Thông tư 244 và Hệ thống kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được xây dựng trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 của Công ty mẹ và các Công ty con. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và có ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.3 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Đối với các hợp đồng tư vấn và các công trình xây dựng dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo các chi phí trực tiếp thực tế phát sinh cho từng công trình cộng với các chi phí sản xuất chung phân bổ và tiền lương nhân công tương ứng với phần công việc dở dang chưa ghi nhận doanh thu trong kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Công ty áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính để quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Ngoài ra, Công ty áp dụng việc trích khấu hao tài sản cố định theo Thông báo số 2190/EVN-TCKT của Tập đoàn Điện lực Việt Nam hướng dẫn thi hành Thông tư 45/2013/TT-BTC.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian sử dụng (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

**3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ KHẤU HAO**

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính. Chi tiết tài sản cố định vô hình như sau:

- Quyền sử dụng đất: Bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng và quyền sử dụng đất vô thời hạn Công ty không trích khấu hao.
- Phần mềm máy tính: khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao trong 3 năm.

**3.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chủ yếu các chi phí về đầu tư xây dựng công trình Thủy điện Sông Bung 5, công trình này chưa hoàn thành toàn bộ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khi công trình này hoàn thành và khai thác theo từng hạng mục, được Công ty phê duyệt theo phân cấp, các chi phí đầu tư xây dựng dở dang sẽ được kết chuyển để ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

**3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3.8 TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG**

Tại ngày 30/06/2015, Công ty không trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính và nợ phải thu khó đòi theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Việc trích lập dự phòng sẽ được xem xét, đánh giá và thực hiện tại thời điểm cuối năm tài chính.

**3.9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Các khoản phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của Công ty cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Các khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp.

Phần phát sinh tăng của các khoản phải trả người bán cho các nhà thầu phụ nước ngoài được hạch toán trên cơ sở số tiền nghiệm thu kèm theo hóa đơn giá trị gia tăng giữa Chủ đầu tư với Công ty về hạng mục nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện. Phần thanh toán cho nhà thầu phụ nước ngoài được căn cứ vào số ngoại tệ trên hóa đơn do nhà thầu phụ nước ngoài xuất cho Công ty quy đổi theo tỷ giá tại ngày thanh toán.

**3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thực chi bằng tiền và chưa thu thập đầy đủ hóa đơn, chứng từ được trích trước và ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**3.11 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc đầu tư tài sản cố định trong quá trình đầu tư được vốn hóa vào giá trị tài sản hoặc công trình khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Các khoản chi phí đi vay khác phát sinh được phản ánh vào kết quả kinh doanh.

**3.12 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu và chi phí của công trình xây lắp được ghi nhận khi công trình đã hoàn thành được bàn giao và khách hàng chấp nhận thanh toán. Ngoài ra, đối với các công trình xây dựng dở dang, doanh thu và chi phí liên quan được xác định tương ứng với các phần công việc (hạng mục) đã nghiệm thu có xác nhận của chủ đầu tư.

Đối với các công trình đã hoàn thành và ghi nhận doanh thu của các năm trước nhưng khi quyết toán của các cơ quan có thẩm quyền mà bị cắt giảm giá trị thanh toán sẽ được Công ty điều chỉnh giảm doanh thu và công nợ tương ứng của năm hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**3.12 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

Đối với các hạng mục công trình đã hoàn thành và được chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán từng phần nhưng chưa xác định được giá vốn tương ứng, nhằm đảm bảo tính phù hợp giữa doanh thu và chi phí, Công ty sẽ phản ánh vào kết quả kinh doanh ngay khi tập hợp được đầy đủ giá vốn liên quan hoặc khi được chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán toàn bộ công trình.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các khoản đầu tư mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

**3.13 GHI NHẬN GIÁ VỐN**

Giá vốn hoạt động khảo sát, thiết kế được xác định căn cứ theo tỷ lệ hoàn thành của công trình đã nghiệm thu trong kỳ. Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Các khoản tổn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

**3.14 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong các nghiệp vụ thanh toán được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại ngày 30/06/2015, Công ty đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân mua vào của các Ngân hàng Thương mại nơi công ty mở tài khoản. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này sau khi bù trừ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ theo hướng dẫn của Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính “Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”.

**3.15 THUẾ****Thuế Giá trị gia tăng**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với các hoạt động của Công ty là 0% và 10%.

- Thuế suất thuế GTGT đầu ra là 0% được áp dụng cho các hoạt động khảo sát, thiết kế thực hiện tại nước ngoài.

- Thuế suất thuế GTGT đầu ra là 10% được áp dụng cho các hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện trong nước.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**3.15 THUẾ (TIẾP)****Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành áp dụng là 22%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 có các bộ phận quản lý theo đơn vị kinh doanh.

**3.17 BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý. Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Công ty con, Công ty liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

**3.18 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3.18 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

*Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 30/06/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	6.443.841.820	1.275.565.433
Tiền gửi ngân hàng	24.424.108.796	45.841.378.837
<b>Cộng</b>	<b>30.867.950.616</b>	<b>47.116.944.270</b>

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>Tại 30/06/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng tạm hạch toán	144.297.742	434.827.730
Thuế thu nhập cá nhân phải thu công nhân viên	2.387.944.816	1.863.773.000
Phải thu cán bộ, công nhân viên	3.147.808.130	5.188.279.069
Phải thu khác	9.181.709.048	1.037.275.313
<b>Cộng</b>	<b>14.861.759.736</b>	<b>8.524.155.112</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Tại 30/06/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	2.203.861.837	2.222.668.896
Công cụ, dụng cụ	149.253.824	35.002.260
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	436.834.571.577	394.067.352.224
<b>Cộng</b>	<b>439.187.687.238</b>	<b>396.325.023.380</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<b>Tại 30/06/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	84.067.093
Chi phí chờ phân bổ khác	5.369.168.992	61.924.048
<b>Cộng</b>	<b>5.369.168.992</b>	<b>145.991.141</b>

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 30/06/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	37.516.301.787	25.085.577.612
<b>Cộng</b>	<b>37.516.301.787</b>	<b>25.085.577.612</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>598.370.367.877</b>	<b>418.162.744.808</b>	<b>76.984.211.179</b>	<b>9.191.294.958</b>	<b>240.913.000</b>	<b>1.102.949.531.822</b>
- Mua trong kỳ	2.026.701.818	3.228.272.162	-	888.440.000	-	6.143.413.980
- Phân loại lại	-	135.961.628.764	2.640.405.714	-	-	138.602.034.478
- Thanh lý, nhượng bán	-	(357.769.670)	(111.423.000)	(860.690.619)	(32.246.000)	(1.362.129.289)
- Phân loại lại	(145.682.935.309)	-	-	-	-	(145.682.935.309)
<b>Tại 30/06/2015</b>	<b>454.714.134.386</b>	<b>556.994.876.064</b>	<b>79.513.193.893</b>	<b>9.219.044.339</b>	<b>208.667.000</b>	<b>1.100.649.915.682</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>68.464.795.294</b>	<b>74.501.533.679</b>	<b>35.562.498.334</b>	<b>7.749.884.158</b>	<b>128.992.319</b>	<b>186.407.703.784</b>
- Khấu hao trong kỳ	7.355.563.325	14.146.511.778	2.898.967.709	361.187.548	17.368.698	24.779.599.058
- Thanh lý, nhượng bán	-	(357.769.670)	(111.423.000)	(860.690.619)	(32.246.000)	(1.362.129.289)
<b>Tại 30/06/2015</b>	<b>75.820.358.619</b>	<b>88.290.275.787</b>	<b>38.350.043.043</b>	<b>7.250.381.087</b>	<b>114.115.017</b>	<b>209.825.173.553</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>529.905.572.583</b>	<b>343.661.211.129</b>	<b>41.421.712.845</b>	<b>1.441.410.800</b>	<b>111.920.681</b>	<b>916.541.828.038</b>
<b>Tại 30/06/2015</b>	<b>378.893.775.767</b>	<b>468.704.600.277</b>	<b>41.163.150.850</b>	<b>1.968.663.252</b>	<b>94.551.983</b>	<b>890.824.742.129</b>

Tại ngày 30/06/2015, nguyên giá Tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 70.152.684.934 đồng.

Giá trị còn lại các tài sản cố định sử dụng để cầm cố thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại ngày 30/06/2015 là: 879.181.685.854 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại 01/01/2015	17.067.101.984	10.477.394.420	27.544.496.404
- Phân loại lại	7.080.900.831	-	7.080.900.831
- Thanh lý nhượng bán	-	(772.548.725)	(772.548.725)
Tại 30/06/2015	24.148.002.815	9.704.845.695	33.852.848.510
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại 01/01/2015	1.071.147.000	8.043.063.512	9.114.210.512
- Khấu hao trong kỳ	1.148.769.304	654.831.240	1.803.600.544
- Thanh lý	-	(772.548.725)	(772.548.725)
Tại 30/06/2015	2.219.916.304	7.925.346.027	10.145.262.331
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại 01/01/2015	15.995.954.984	2.434.330.908	18.430.285.892
Tại 30/06/2015	21.928.086.511	1.779.499.668	23.707.586.179

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.907.668.058 đồng

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>Tổng số chi phí XDCB dở dang</b>	<b>17.606.272.094</b>	<b>4.682.189.912</b>
Trong đó:		
+ Công trình Thủy điện Sông Bung 5	17.372.300.663	4.480.489.663
+ Trụ sở, nhà làm việc khu A, B, C - Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4	233.971.431	201.700.249

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Lợi thế thương mại chưa phân bổ	-	1.423.352.349
Giá trị còn lại công cụ dụng cụ	5.622.694.215	7.329.530.192
Chi phí chờ phân bổ	1.246.873.661	469.824.309
<b>Cộng</b>	<b>6.869.567.876</b>	<b>9.222.706.850</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>Tại 30/06/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	192.949.657.051	197.289.249.451
- Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	13.665.818.821	8.761.517.399
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	86.000.000.000	81.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên	39.000.000.000	29.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	2.491.508.000	2.129.508.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	1.200.000.000	2.090.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình - Phòng giao dịch Hà Đông	1.499.535.994	2.603.656.316
- Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Hà Nội	701.544.622	-
- Khoản vay các cá nhân	271.217.725.089	214.398.903.230
<b>Cộng</b>	<b>608.725.789.577</b>	<b>537.272.834.396</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Tại 30/06/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT	31.633.589.812	30.002.107.399
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.088.067.041	10.527.985.377
Thuế thu nhập cá nhân	2.389.298.131	9.413.883.629
Thuế tài nguyên	2.594.750.206	3.298.451.186
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.444.776	237.012.224
Các loại thuế khác	1.599.161.741	3.897.632.282
Các khoản phải nộp Nhà nước khác	1.715.012.055	1.940.168.864
<b>Cộng</b>	<b>51.021.323.762</b>	<b>59.317.240.961</b>

**15. PHẢI TRẢ NỘI BỘ**

	<b>Tại 30/06/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	13.577.548.211	13.577.548.211
<b>Cộng</b>	<b>13.577.548.211</b>	<b>13.577.548.211</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 30/06/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thừa chờ xử lý	-	8.904.734
Bảo hiểm xã hội	549.699.265	1.103.666.294
Bảo hiểm y tế	11.326.438	-
Kinh phí công đoàn	2.170.850.298	2.185.200.769
Bảo hiểm thất nghiệp	712.825.155	542.722.717
Các khoản phải trả, phải nộp khác	65.721.295.798	42.195.230.402
<b>Cộng</b>	<b>69.165.996.954</b>	<b>46.035.724.916</b>

**17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>Tại 30/06/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (*)	667.139.443.756	685.139.443.756
<b>Cộng</b>	<b>667.139.443.756</b>	<b>685.139.443.756</b>

(\*) Toàn bộ số dư khoản vay dài hạn thuộc hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/08/2009 được ký kết giữa Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với mục đích đầu tư dự án Thủy điện Sông Bung 5. Hạn mức tín dụng là 900.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 13 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất theo từng thời kỳ. Số dư gốc vay đến 30/06/2015 là 667.139.443.756 đồng. Ngân hàng sẽ xác định số dư nợ gốc cụ thể phải thanh toán vào mỗi ngày thanh toán gốc và sẽ thông báo cho Công ty về việc xác định nghĩa vụ trả nợ đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2014</b>	<b>230.105.360.000</b>	<b>11.073.100</b>	<b>16.936.651.511</b>	<b>3.967.631.720</b>	<b>500.000.000</b>	<b>39.342.669.630</b>	<b>290.863.385.961</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	44.653.573.162	44.653.573.162
- Phân phối lợi nhuận	36.807.830.000	-	126.290.481	126.290.481	-	(39.342.667.230)	(2.282.256.268)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(11.073.100)	-	-	-	-	(11.073.100)
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>266.913.190.000</b>	<b>-</b>	<b>17.062.941.992</b>	<b>4.093.922.201</b>	<b>500.000.000</b>	<b>44.653.575.562</b>	<b>333.223.629.755</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>266.913.190.000</b>	<b>-</b>	<b>17.062.941.992</b>	<b>4.093.922.201</b>	<b>500.000.000</b>	<b>44.653.575.562</b>	<b>333.223.629.755</b>
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	10.663.491.799	10.663.491.799
<b>Tại 30/06/2015</b>	<b>266.913.190.000</b>	<b>-</b>	<b>17.062.941.992</b>	<b>4.093.922.201</b>	<b>500.000.000</b>	<b>55.317.067.361</b>	<b>343.887.121.554</b>

Ngày 24/04/2015, Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 và giao cho Hội đồng Quản trị Công ty quyết định thời điểm phân phối lợi nhuận sau thuế. Thời điểm phân phối lợi nhuận sẽ căn cứ vào quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

STT	Cổ đông	Tại 30/06/2015	
		Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	145.042.270.000	54,34%
2	Các cổ đông khác	121.870.920.000	45,66%
<b>Cộng</b>		<b>266.913.190.000</b>	<b>100%</b>

**18.3 GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	266.913.190.000	230.105.360.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	266.913.190.000	230.105.360.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.802.720	147.094.920

**18.4 CỔ PHIẾU**

	Tại 30/06/2015 Cổ phiếu	Tại 01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	26.691.319	26.691.319
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	26.691.319	26.691.319
+ Cổ phiếu thường	26.691.319	26.691.319
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu thường	26.691.319	26.691.319
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/CP



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>202.176.214.745</b>	<b>194.714.429.514</b>
Trong đó:		
- Doanh thu xây lắp	16.891.910.184	13.108.997.765
- Doanh thu sản xuất điện	76.616.348.036	65.896.156.668
- Doanh thu khảo sát, thiết kế công trình điện	100.381.113.386	105.170.353.040
- Doanh thu khác	8.286.843.139	10.538.922.041

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>
Giá vốn xây lắp	13.581.621.857	13.092.982.601
Giá vốn sản xuất điện	38.057.116.157	31.043.622.233
Giá vốn khảo sát, thiết kế và sản xuất điện	62.148.603.299	65.175.758.093
Giá vốn hoạt động khác	6.849.032.034	10.538.922.041
<b>Cộng</b>	<b>120.636.373.347</b>	<b>119.851.284.968</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	70.283.154	115.340.437
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	60.873.502	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	56.106.495	-
<b>Cộng</b>	<b>187.263.151</b>	<b>115.340.437</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>
Lãi tiền vay	53.013.445.110	52.281.836.651
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	64.368.829	-
<b>Cộng</b>	<b>53.077.813.939</b>	<b>52.281.836.651</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán	13.648.165.193	12.389.478.950
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(371.202.877)	996.519.835
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.100.683.286)	-
- Trừ: Lãi (lỗ) CLTG chưa thực hiện	(56.106.495)	-
- Cộng: Chi phí không được khấu trừ	785.586.904	996.519.835
Thu nhập chịu thuế	13.276.962.316	13.385.998.785
Thuế suất thuế thu nhập hiện hành	22%	22%
Thuế phải nộp tính theo thuế suất hiện hành	2.984.673.394	2.855.102.849
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>2.984.673.394</b>	<b>2.855.102.849</b>

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.663.491.799	9.534.376.101
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(56.106.495)	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(56.106.495)	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.607.385.304	9.534.376.101
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	26.691.319	23.010.536
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>397</b>	<b>414</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**24. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015**

Chỉ tiêu	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1 (Công ty mẹ)	Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng Điện 1	Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 2	Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng Điện 3 Đà Nẵng	Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng Điện 4	Loại trừ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	176.125.706.515	15.764.250.470	6.473.535.339	1.927.401.260	4.021.485.470	(2.136.164.309)	202.176.214.745
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	27.527.775.459	887.778.688	601.391.849	426.575.980	544.326.417	-	29.987.848.393
- Chi phí khấu hao	25.107.367.572	520.157.305	601.391.849	180.522.060	173.760.816	-	26.583.199.602
- Chi phí trả trước dài hạn phân bổ	2.420.407.887	367.621.383	-	246.053.920	370.565.601	-	3.404.648.791
4. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	13.397.489.345	1.167.723.793	225.735.276	173.888.615	(291.462.609)	-	14.673.374.420
5. Lợi nhuận trước thuế TNDN	12.371.935.095	1.167.723.793	218.272.641	172.505.964	(282.272.300)	-	13.648.165.193
6. Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.731.774.007	910.824.559	168.610.881	134.554.652	(282.272.300)	-	10.663.491.799
7. Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định	42.273.664.181	-	254.000.000	-	65.071.182	-	42.592.735.363
8. Tài sản bộ phận	1.784.567.685.672	66.890.371.210	30.326.275.715	40.855.227.460	59.349.001.086	(72.799.267.766)	1.909.189.293.377
9. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>							<b>1.909.189.293.377</b>
10. Nợ phải trả bộ phận	1.446.667.161.359	47.475.112.039	24.575.107.186	32.574.403.191	52.260.655.814	(38.250.267.766)	1.565.302.171.823
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>1.565.302.171.823</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.18 - Công cụ tài chính.

	<b>Giá trị ghi sổ 30/06/2015 VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.867.950.616	47.116.944.270
Phải thu khách hàng và phải thu khác	420.897.732.752	479.484.957.149
<b>Cộng</b>	<b>451.765.683.368</b>	<b>526.601.901.419</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	1.275.865.233.333	1.222.412.278.152
Phải trả người bán và phải trả khác	139.497.898.060	122.633.756.850
Chi phí phải trả	355.565.755	2.515.652.748
<b>Cộng</b>	<b>1.415.718.697.148</b>	<b>1.347.561.687.750</b>
<b>Trạng thái thuần</b>	<b>(963.953.013.780)</b>	<b>(820.959.786.331)</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về Trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ 30/06/2015 VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND</b>
<b>Tài sản</b>		
- Đô la Mỹ (USD)	92.030.412	3.853.168.566

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

***Quản lý rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>30/06/2015</b>				
Các khoản vay	608.725.789.577	370.633.024.309	296.506.419.447	1.275.865.233.333
Phải trả người bán và phải trả khác	111.635.457.048	27.862.441.012	-	139.497.898.060
Chi phí phải trả	355.565.755	-	-	355.565.755
<b>Cộng</b>	<b>720.716.812.380</b>	<b>398.495.465.321</b>	<b>296.506.419.447</b>	<b>1.415.718.697.148</b>
<b>01/01/2015</b>				
Các khoản vay	537.272.834.396	304.506.419.447	380.633.024.309	1.222.412.278.152
Phải trả người bán và phải trả khác	105.127.364.967	17.506.391.883	-	122.633.756.850
Chi phí phải trả	2.515.652.748	-	-	2.515.652.748
<b>Cộng</b>	<b>644.915.852.111</b>	<b>322.012.811.330</b>	<b>380.633.024.309</b>	<b>1.347.561.687.750</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
<b>30/06/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.867.950.616	-	30.867.950.616
Phải thu khách hàng và phải thu khác	345.765.673.218	75.132.059.534	420.897.732.752
<b>Cộng</b>	<b>376.633.623.834</b>	<b>75.132.059.534</b>	<b>451.765.683.368</b>
<b>01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.116.944.270	-	47.116.944.270
Phải thu khách hàng và phải thu khác	384.650.116.817	94.834.840.332	479.484.957.149
<b>Cộng</b>	<b>431.767.061.087</b>	<b>94.834.840.332</b>	<b>526.601.901.419</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Giao dịch với bên liên quan:**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>Doanh thu với các đơn vị thuộc EVN</b>	<b>155.553.126.452</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (Công ty mẹ)	141.331.564.730
Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1	10.142.025.922
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 Đà Nẵng	829.069.494
Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4	3.250.466.306

**Số dư với bên liên quan:**

	Tại 30/06/2015 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	
Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Dương	192.006.773
Ban Quản lý Dự án Lưới điện_Công ty Điện lực 2	119.210.000
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1	669.187.871
Ban Quản lý Dự án Lưới điện TP Hải Phòng	2.115.069.500
Ban Quản lý Trung tâm Điều độ Hệ thống điện miền Bắc	381.686.048
Công ty Cổ phần điện Nhiệt điện Quảng Ninh	1.599.208.540
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	159.636.354
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 1	10.576.045.223
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 2	13.146.538.976
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4	983.545.000
Công ty Điện lực Cao Bằng	22.957.590
Công ty Điện lực Thanh Hóa	265.309.886
Ban Quản lý Dự án Lưới điện - Công ty Điện lực 1	1.871.765.731
Công ty Cổ phần Thủy điện miền Nam	2.058.891.367
Ban Quản lý Dự án Lưới điện - Điện lực Hà Nội	1.105.540.073
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Tuyên Quang	143.960.000
Nhà máy Thủy điện Ialy	622.162.023
Ban Quản lý Dự án Thủy điện Sơn La	12.612.736.303
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 3	49.521.858
Ban Quản lý Dự án các công trình điện miền Trung	3.586.796.628
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	1.297.783.620
Công ty Mua bán điện	16.497.166.310
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	39.934.458
Công ty Cổ phần điện Gia Lai	166.630.351
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	18.328.185
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 4	424.208.123
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh	381.406.290
Ban Quản lý Dự án Lưới điện TP. Hồ Chí Minh	4.437.337.476
Công ty Truyền tải điện 2	597.848.307

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Số dư với bên liên quan (tiếp):*

	<b>Tại 30/06/2015</b>
	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng (tiếp)</b>	
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia	180.780.441
Công ty Truyền tải điện 1	4.171.828.364
Công ty Điện lực Nghệ An	206.099.090
Ban Quản lý Dự án các công trình điện miền Bắc	19.911.158.137
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực Hà nội	310.784.740
Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức	1.412.369.366
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực	74.606.495
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Phát điện 1	1.454.440.630
Trung tâm Công nghệ Thông tin - EVN	401.466.272
Công ty Thủy điện An Khê - Kanak	1.240.632.188
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 7	3.111.997.786
Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung	576.713.101
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	3.723.305.391
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực	1.601.820.930
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	59.050.559
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình	4.656.967.397
Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	60.000.000
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	34.331.574.793
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	112.906.092
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh	5.508.735.036
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Sapa	4.220.332.823
Công ty Cổ phần Thủy điện sông Ba Hạ	472.377.634
Ban Quản lý Dự án điện Hạt nhân Ninh Thuận	235.523.713
Công ty Cổ phần Nhiệt điện An Khánh	2.361.316.677
Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1	4.377.301.300
Công ty Điện lực Nam Định	29.909.091
Công ty Thủy điện Sơn La	9.548.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	2.107.164.442
Trung tâm Tư vấn Xây dựng điện - Điện lực I	148.853.568
Công ty Điện lực Hà Tây	8.031.411
Công ty Điện lực Lạng Sơn	13.337.213
Công ty Điện lực Thái Nguyên	297.399.298
Công ty Điện lực Lai Châu	911.422
Công ty Điện lực Bắc Giang	363.636
Công ty Điện lực Nghệ An	852.676.878
Công ty Điện lực Thanh Hóa	27.091.381
Công ty Điện lực Phú Thọ	141.917.961
Ban Quản lý Dự án Lưới điện miền Bắc	1.436.957.397
Ban Quản lý Phát triển Điện lực	620.773.307
Công ty Điện lực Hà Nam	13.942.061



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Số dư với bên liên quan (tiếp):*

	<b>Tại 30/06/2015</b>
	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng (tiếp)</b>	
Ban Quản lý Công trình Thủy điện Sơn La	644.965.468
Ban Quản lý Thủy điện 1	77.578.425
Công ty Điện lực Quảng Ninh	19.657.615
Công ty Thủy điện YALY	207.862.215
Công ty Tư vấn Xây dựng điện 4	314.373.048
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	78.235.550
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 7	245.088.570
Công ty Điện lực Bắc Ninh	155.268.717
Công ty Điện lực Hà Giang	1.615.285.405
Công ty Điện lực Hà Nam	1.194.655
Công ty Điện lực Hà Tây	82.128.292
Công ty Điện lực Hà Tĩnh	24.267.776
Công ty Điện lực Hoà Bình	43.244.717
Công ty Điện lực Lạng Sơn	270.288.672
Công ty Điện lực Lào Cai	1.979.913
Công ty Điện lực Ninh Bình	60.304.921
Công ty Điện lực Phú Thọ	74.859.076
Công ty Điện lực Quảng Ninh	289.309.903
Công ty Điện lực Sơn La	595.428.414
Công ty Điện lực Thái Nguyên	68.000.000
Công ty Điện lực Thanh Hoá	104.205.974
Công ty Điện lực Thanh Trì	144.512.759
Công ty Điện lực Yên Bái	359.622.332
Ban Quản lý Dự án Lưới điện - Công ty Điện lực 1	10.110.260.398
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực	859.604.647
Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1	27.783.842
Công ty Điện lực Điện Biên	196.308.840
Công ty Điện lực Nam Định	247.094
Công ty điện Cao thế Miền Bắc	34.136.584
Ban Quản lý Dự án Lưới điện - Công ty Điện lực Hà Nội	859.538.461
Công ty Truyền tải điện 1	277.364.152
Ban Quản lý Dự án điện Nông thôn Miền Trung	738.994.799
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 2	106.995.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	150.425.611
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	565.585.222
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 4	178.600.000
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 7	53.642.659
Ban Quản lý Dự án Thủy điện Sông Bung 4	286.635.131
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	21.013.889
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 3	220.496.251

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Số dư với bên liên quan (tiếp):**

	<b>Tại 30/06/2015</b>
	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng (tiếp)</b>	
Công ty Cổ phần Thủy điện Bản Vẽ	106.640.000
Công ty Lưới điện cao thế Miền Trung	71.762.727
Công ty Điện lực Phú Yên	473.907.059
<b>Cộng</b>	<b>206.981.441.668</b>
	<b>Tại 30/06/2015</b>
	<b>VND</b>
<b>Người mua trả tiền trước</b>	
Ban Quản lý Dự án Lưới điện_Công ty Điện lực 2	14.598.834
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	7.400.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	2.131.982.790
Ban Quản lý Dự án Lưới điện - Công ty Điện lực 1	717.351.233
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 3	223.825.607
Ban Quản lý Dự án các công trình điện miền Trung	251.089.858
Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng	166.048.426
Ban Quản lý Dự án Lưới điện TP. Hồ Chí Minh	2.512.341.368
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia	439.734.869
Công ty Truyền tải điện 1	18.947.146
Ban Quản lý Dự án các công trình điện miền Bắc	2.259.380.031
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình	3.895.097.448
Công ty Thủy điện Hòa Bình	331.360.000
Ban Quản lý Công trình Thủy điện Sơn La	1.349.232.000
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Sơn La - Tổng Công ty Sông Đà	1.928.026.000
Công ty Điện lực Quảng Ninh	97.802.375
Ban Quản lý Dự án Lưới điện TP Hà Nội	234.070.963
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	5.118.178.526
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	345.694.517
Công ty Điện lực Bắc Ninh	93.252.100
Công ty Điện lực Hà Tây	35.000.000
Công ty Điện lực Hưng Yên	5.405.861
Công ty Điện lực Lạng Sơn	34.199.000
Công ty Điện lực Quảng Ninh	70.000.000
Công ty Điện lực Thanh Hoá	43.902.000
Ban Quản lý Dự án Lưới điện - Công ty Điện lực 1	46.650.174
Công ty Điện lực Nam Định	247.094
Công ty điện Cao thế Miền Bắc	33.750.000
Ban Quản lý Dự án điện Nông thôn Miền Trung	1.191.773.000
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	35.023.393
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3	59.472.000
<b>Cộng</b>	<b>31.083.436.613</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)***Số dư với bên liên quan (tiếp):*

	<b>Tại 30/06/2015</b>
	<b>VND</b>
<b>Phải trả người bán</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Du lịch miền Bắc	14.980.761
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện Thanh Hóa	10.766.664
<b>Cộng</b>	<b>25.747.425</b>
	<b>Tại 30/06/2015</b>
	<b>VND</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>	
Xí Nghiệp Khảo sát TH Miền Nam	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>400.000.000</b>
	<b>Tại 30/06/2015</b>
	<b>VND</b>
<b>Phải trả nội bộ</b>	
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	13.577.548.211
<b>Cộng</b>	<b>13.577.548.211</b>

**27. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2015 đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 đã được soát xét.



Nguyễn Tài Sơn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2015

Nguyễn Hồng Tuấn

Quyền Kế toán trưởng

Doãn Thị Thu Dung

Người lập biểu